

## ĐA DẠNG THÀNH PHẦN LOÀI VÀ SỰ PHÂN BỐ THEO ĐỘ CAO CỦA HỌ ẾCH CÂY *Rhacophoridae* TẠI KHU BẢO TỒN THIÊN NHIÊN PÙ HOẠT

ĐẠU QUANG VINH, NGUYỄN VĂN SÁNG

*Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật,*

*Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam*

LÊ THỊ HỒNG LAM, HOÀNG XUÂN QUANG

*Đại học Vinh*

Họ ếch cây *Rhacophoridae* là họ có số loài nhiều nhất trong lớp ếch nhái ở Việt Nam. Theo Nguyễn Văn Sáng và cs., 2009, ở Việt Nam có 48 loài với 9 giống (*Aquyxalus*, *Chironamntis*, *Feihyla*, *Kurixalus*, *Nyctixalus*, *Philautus*, *Polypedates*, *Rhacophorus* và *Theloderma*). Nghệ An được biết đến với Khu Dự trữ sinh quyển Tây Nghệ An được UNESCO công nhận năm 2007, đây là Khu Dự trữ sinh quyển lớn nhất Đông Nam Á với diện tích 1.303.285ha, gồm 3 vùng lõi là Vườn Quốc gia Pù Mát, Khu Bảo tồn thiên nhiên Pù Huống và Khu Bảo tồn thiên nhiên đề xuất Pù Hoạt, tuy nhiên các nghiên cứu về khu hệ lưỡng cư ở đây chỉ tập trung vào Vườn Quốc gia Pù Mát và Khu Bảo tồn thiên nhiên Pù Huống, ở Khu Bảo tồn thiên nhiên Pù Hoạt hầu như chưa có nghiên cứu nào. Do đó chúng tôi chọn đề tài “*Đa dạng thành phần loài, phân bố theo độ cao của họ Ếch cây Rhacophoridae tại Khu Bảo tồn thiên nhiên Pù Hoạt*”.

### I. ĐỊA ĐIỂM, THỜI GIAN VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Các cuộc điều tra được thực hiện vào các tháng 8/2009, 5/2010, 6/2010, 7/2010, 4/2012 và 8/2012 ở các độ cao và sinh cảnh khác nhau của Khu Bảo tồn thiên nhiên (BTTN) Pù Hoạt, thuộc các xã Tri Lễ, Nậm Giải, Hạnh Dịch, Thông Thụ và Đồng Văn, huyện Quế Phong.

Số lượng mẫu thu được gồm 153 mẫu, bảo quản tại Phòng Thí nghiệm Động vật, Trường Đại học Vinh, Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam và Bảo tàng Úc.

Sắp xếp tên khoa học, tên phổ thông của các loài theo Nguyễn Văn sáng và Hồ Thu Cúc, Nguyễn Quảng Trường (2009); đồng thời cập nhật sự thay đổi danh pháp của các loài tham khảo các tài liệu của Orlov *et al.* (2012), Biju *et al.* (2010), Rowley *et al.* (2011a, 2011b) và Yu *et al.* (2010).

### II. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

#### 1. Đa dạng thành phần loài và tình trạng bảo tồn

Qua điều tra nghiên cứu đã ghi nhận ở Pù Hoạt có 15 loài ếch cây thuộc 7 giống (bảng 1), giống *Rhacophous* có số loài nhiều nhất (5 loài), tiếp đến giống *Kurixalus* (3 loài), các giống *Theloderma* và *Chiromantis* mỗi giống có 2 loài; giống *Gracixalus*, *Raorchestes* và *Polypedates* (1 loài).

Một số thay đổi về danh pháp các loài trong họ Ếch cây *Rhacophoridae* ở Pù Hoạt, so với Nguyễn Văn Sáng và cs. (2009) với các nghiên cứu của Orlov *et al.* (2012), Biju *et al.* (2010), Rowley *et al.* (2011a, 2011b) và Yu *et al.* (2010) gồm: *Philautus jinxiuensis*, *Aquyxalus ananjevae*, *Aquyxalus baliogaste*, *Kurixalus verrucosus*, *Kurixalus odontotarsus*, *Philautus parvulus* và tên hiện hành tương ứng là *Gracixalus jinxiuensis*, *Kurixalus ananjevae*, *Kurixalus bisacculus* (bao gồm các loài *Aquyxalus baliogaste*, *Kurixalus verrucosus*, *Kurixalus odontotarsus*), *Raorchestes parvulus*.

Bảng 1

**Đa dạng thành phần loài, phân bố và tình trạng bảo tồn của các loài ếch cây**

TT	Tên khoa học	Tên phổ thông	Tình trạng bảo tồn	
			Phân bố	IUCN 2012/SĐVN 2007
1	<i>Chiromantis doriae</i> (Boulenger, 1893)	Nhái cây do-ri**	670	
2	<i>Chiromantis vittatus</i> (Boulenger, 1887)	Nhái cây sọc*	710	
3	<i>Gracixalus quang</i> Rowley J. J. L., Dau Q. V., Nguyen T. T., Cao T. T., and Nguyen S. V., 2011	Nhái cây quang***	630-1290	
4	<i>Kurixalus jinxiuensis</i> (Hu, 1978)	Nhái cây gin-sui*	1890	VU
5	<i>Kurixalus ananjevae</i> (Matsui et Orlov, 2004)	Nhái cây an-na-gie va*	1200	DD
6	<i>Kurixalus bisacculus</i> (Boulenger, 1893)	Nhái cây sần nhỏ**	630-1360	
7	<i>Polypedates mutus</i> (Smith, 1940)	Ếch cây my-an-ma	280-710	
8	<i>Raorchestes parvulus</i> (Boulenger, 1893)	Nhái cây tí hon*	680- 1120	
9	<i>Rhacophorus feae</i> Boulenger, 1893	Ếch cây phê**	1220-1290	DD
10	<i>Rhacophorus kio</i> Ohler et Delorme, 2006	Ếch cây ki-o	760	VU/EN
11	<i>Rhacophorus maximus</i> Günther, 1858	Ếch cây lớn**	690	
12	<i>Rhacophorus orlovi</i> Ziegler et Köhler, 2001	Ếch cây ooc-lop	630-910	
13	<i>Rhacophorus rhodopus</i> , Liu and Hu, 1960	Ếch cây châ đở*	1200-1360	
14	<i>Theلودerma asperum</i> (Boulenger, 1886)	Ếch cây sần a-x-pơ	620	
15	<i>Theلودerma gordon</i> Taylor, 1962	Ếch cây sần go-don**	790	

Ghi chú: Sách Đỏ Việt Nam 2007: EN-Loài nguy cấp; IUCN 2012: VU-Sẽ nguy cấp; DD-Thiếu dẫn liệu; \*-Loài bổ sung cho Nghệ An; \*\*-Loài bổ sung cho Bắc Trung Bộ và \*\*\*-Loài mới.

So sánh với Nguyễn Văn Sáng và cs., 2009 cho thấy số loài ếch cây ở Pù Hoạt bằng 31,25% tổng số loài ếch cây Việt Nam (15 trên 48 loài) và số giống bằng 77,78% (7 trên 9 giống) và bằng với số loài của Bắc Trung Bộ. Cũng so sánh với Nguyễn Văn Sáng và cs., 2009, kết quả nghiên cứu của chúng tôi đã bổ sung cho Nghệ An và Khu Dự trữ sinh quyển Tây Nghệ An 5 loài, bổ sung cho Bắc Trung Bộ 5 loài, trong đó loài *Rhacophorus maximus*, lần đầu tiên ghi nhận về phía Bắc Việt Nam, nâng tổng số loài hiện biết ở Bắc Trung Bộ lên 23 loài và 1 loài mới cho khoa học (*Grixalus quang* Rowley et al., 2011b).

Trong tổng số 15 loài ếch cây hiện biết ở Pù Hoạt (bảng 1) có 2 loài ở bậc VU (Sẽ nguy cấp), 2 loài bậc DD (Thiếu dẫn liệu) trong Danh lục Đỏ IUCN 2012 và một loài chưa rõ tình trạng bảo tồn (*Grixalus quang*), Rowley và cs., 2011b đề nghị xếp và bậc DD (Thiếu dẫn liệu), một loài trong Sách Đỏ Việt Nam 2007, *Rhacophorus kio* (bậc EN), hai loài đặc hữu Việt Nam là

*Gracixalus quangii* và *Kurixalus ananjevae*, không có loài nào trong Nghị định số 32/2006 của Chính phủ.

## 2. Phân bố theo độ cao

Xét theo sự phát hiện các loài theo các độ cao khác nhau cho thấy, khả năng tìm kiếm các loài ở các độ cao khác nhau là không giống nhau, loài *Grixalus quangii* tìm thấy ở nhiều độ cao khác nhau (630-1290m); *Polypedates mutus* (280-710m), *Kurixalus bisacculus* (630-1360); *Rhacophorus orlovi* (630-910m); *Rhacophorus rhodopus* (1200-1360m), *Kurixalus ananjevae* (1200m), *Chiromantis doriae* (670m), *Chiromantis vittatus* (714m), *Kurixalus jinxiuensis* (1890m), *Raorchestes parvulus* (680-1120m), *Rhacophorus feae* (1220-1290m), *Rhacophorus kio* (760m), *Rhacophorus maximus* (690m), *Theلودerma asperum* (620m) và *Theلودerma gordonii* (790m).

## III. KẾT LUẬN

Qua điều tra nghiên cứu đã ghi nhận ở Pù Hoạt có 15 loài ếch cây thuộc 7 giống, giống *Rhacophorus* có số loài nhiều nhất (5 loài), tiếp đến giống *Kurixalus* (3 loài), các giống *Theلودerma* và *Chiromantis* mỗi giống có 2 loài, giống *Gracixalus*, *Polypedates*, *Raorchestes* (1 loài), có 3 loài ở bậc VU, 2 loài bậc DD trong Danh lục Đỏ IUCN 2012 và một loài chưa rõ tình trạng bảo tồn, 1 loài trong Sách Đỏ Việt Nam 2007 (*Rhacophorus kio*) bậc EN và 2 loài đặc hữu Việt Nam (*Gracixalus quangii* và *Kurixalus ananjevae*).

Kết quả nghiên cứu đã bổ sung cho Nghệ An và Khu Dự trữ sinh quyển Tây Nghệ An 11 loài, bổ sung cho Bắc Trung Bộ 5 loài, trong đó loài *Rhacophorus maximus* lần đầu tiên ghi nhận về phía Bắc Việt Nam và một loài mới cho khoa học là *Gracixalus quangii*. Phần lớn các loài tìm thấy ở độ cao 280-1890m.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Khoa học và Công nghệ, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam, 2007. Sách Đỏ Việt Nam (Phần Động vật). NXB. KHTN & CN, Hà Nội, tr.: 7-21.
2. Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam, 2006. Nghị định số 32/2006/ND-CP về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý hiếm.
3. Biju S. D., Y. Shouche, A. Dubois, S. K. Dutta, F. Bossuyt, 2010. Curr. Sci., 98: 1119-1125.
4. Nguyen V. S., T. C. Ho, Q. T. Nguyen, 2009. Herpetofauna of Vietnam, Edition Chimaira, Frankfurt am Main.
5. Orlov N. L., R. W. Murphy, N. B. Ananjeva, S. A. Ryabov, T. C. Ho, 2002. Russ. J. Herpetol. 9 (2): 81-104.
6. Orlov L.N., A. N. Poyarkov, B. A. Vassilieva, B. N. Ananjeva, T. T. Nguyen, N. S. Nguyen, P. Geissler, 2012. Russ. J. Herpetol. 19 (1): 23-64.
7. Rowley J. J. L., T. T. D. Le, A. D. Thi, B. L. Stuart, D. H. Hoang, 2010. Zootaxa, 2727: 45-55.
8. Rowley J. J. L., Q. V. Dau, T. T. Nguyen, T. T. Cao, S. V. Nguyen, 2011a. Zootaxa, 3125: 22-38.
9. Rowley J. J. L., T. T. Le, D. D. H. Hoang, Q. V. Dau, T. T. Cao, 2011b. Zootaxa, 3098: 1-20.
10. Ziegler T., J. Köhler, 2001. Sauria, 23: 37-46.
11. Yu G.-h., M.-w. Zhang, J.-x. Yang, 2010. Molecular Phylogenetics and Evolution, 56: 942-950.

**SPECIES DIVERSITY AND DISTRIBUTION BY ALTITUDE OF RHACOPHORID  
IN PU HOAT NATURE RESERVE, NGHE AN PROVINCE**

**DAU QUANG VINH, NGUYEN VAN SANG  
LE THI HONG LAM, HOANG XUAN QUANG**

**SUMMARY**

The surveys of Rhacophorid in Pu Hoat Nature Reserve recorded 18 species belonging to 7 genera of Rhacophoridae. 1 new species, *Gracixalus quangji*, the first records of 5 species in North Central Vietnam and 11 species in Nghe An. Among them, 15 species are threatened, including 1 species in the 2007 Red Data Book of Vietnam and 4 species in the 2012 IUCN Red List. Most species are found at elevations between 280-1890m.